

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 85/2021/DS-ST

Ngày: 26-11-2021

*V/v: Tranh chấp dân sự về chuyển  
giao nghĩa vụ và tranh chấp về hợp  
đồng dân sự vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Thanh Tuấn

2. Bà Ngô Thị Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phí Đình K, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Phí Đình K ủy quyền cho bà Trương Thị Quỳnh N, sinh năm 1994, địa chỉ: 671 đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Vợ chồng ông Tạ Đăng H, bà Phí Thị H1, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*(Bà N, bà V có mặt còn vợ chồng ông H, bà H1 và anh T vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Quỳnh N trình bày:* Trước đây, vợ chồng ông H, bà H1 có vay của ông K số tiền 160.000.000đ, sau đó ông H, bà H1 không có khả năng chi trả nên ngày 05/4/2020 giữa ông K, ông H, bà H1 và bà V có thỏa thuận với nhau về việc do bà V nợ tiền ông H, bà H1 nên chuyển số nợ từ bà V sang cho ông K, bà V có trách nhiệm trả cho ông K số tiền 160.000.000đ, hạn cuối năm 2020 bà V có trách nhiệm trả cho ông K, các bên có lập giấy chuyển nợ và bà V, ông H, bà H1 có ký xác nhận.

Đến ngày 07/9/2020 bà Đỗ Thị V có vay của ông K số tiền 150.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, mục đích vay là để kiến thiết nhà cửa, thời hạn trả nợ là ngày 26/01/2021, hai bên có lập giấy vay tiền ngày 07/9/2020, bà V có ký xác nhận và có UBND xã Hoài Đức chứng thực.

Tổng số tiền gốc bà V nợ ông K là 310.000.000đ. Đến hạn trả nợ ông K đòi nhiều lần nhưng bà V không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị V trả cho ông Phí Đình K số tiền 310.000.000đ, tiền lãi đối với khoản vay 150.000.000đ theo mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 07/9/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

*Tại biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Đỗ Thị V trình bày:* Trước đây, bà có vay vợ chồng ông H, bà H1 số tiền 250.000.000đ, sau đó ông H, bà H1 đòi bà nhiều lần nhưng bà không có tiền trả. Trong khi đó, ông H, bà H1 có nợ ông K số tiền nên giữa bà với ông H, bà H1 có thỏa thuận chuyển số tiền ông H, bà H1 nợ ông K thành bà V nợ ông K và các bên có viết giấy chuyển nợ ghi ngày 05/4/2020 với số tiền 160 triệu đồng, chữ ký chữ viết giấy ghi ngày 05/4/2020 là của bà. Tại thời điểm đó các bên có thỏa thuận đối với số tiền 160 triệu đồng này thì trong thời hạn trả từ 03 đến 05 năm mỗi năm bà sẽ trả dần cho ông K 01 ít. Vì vậy, nay ông K khởi kiện đối với số tiền 160.000.000đ thì bà đồng ý trả nhưng khi nào bà có tiền thì bà mới trả, mỗi năm bà sẽ trả dần cho ông K một ít.

Ngày 07/9/2020 bà có vay thêm của ông K số tiền 150.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, mục đích vay là để kiến thiết nhà cửa và trả nợ cho con, thời hạn trả nợ là ngày 26/01/2021 nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên bà chưa có tiền trả cho ông K. Nay ông K yêu cầu bà trả số tiền 150.000.000đ này và tiền lãi suất là 1,5%/tháng thì bà đồng ý trả số tiền gốc, còn đối với số tiền lãi thì bà xin vì hoàn cảnh của bà hiện nay rất khó khăn không có khả năng trả.

*Tại bản tự khai ông Tạ Đăng H, bà Phí Thị H1 trình bày:* Ông bà có vay tiền của ông Phí Đình K ở thôn M, xã H. Do ông bà làm ăn gặp khó khăn không có điều kiện trả nợ nên các bên đã thống nhất chuyển số nợ trên sang cho bà Đỗ Thị V ở thôn M, xã H vì bà V còn nợ tiền ông bà, bà V đồng ý trả số tiền trên cho ông K nên các bên thống nhất lập giấy chuyển nợ. Nay ông K khởi kiện yêu cầu bà V phải trả số tiền trên thì ông bà không có ý kiến gì vì các bên đã thống nhất bà V không còn nợ ông bà số tiền 160.000.000đồng còn ông bà không còn nợ ông K 160.000.000đồng, bà V đã nhận sẽ trả cho ông K số tiền trên.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không ai có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 310.000.000đ và lãi suất theo mức 1,5%/ 1 tháng của khoản vay 150.000.000đồng từ ngày vay cho đến ngày xét xử, tính thành tiền là 32.925.000đồng, còn bị đơn bà V đồng ý trả số tiền gốc là 310.000.000đồng nhưng trong thời hạn từ 3 đến 5 năm khi nào có thì trả cho ông K một ít, đối với số tiền lãi thì bà V không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc bà V phải trả cho ông K số tiền gốc là 310.000.000đồng và tiền lãi của khoản vay 150.000.000đồng từ ngày vay cho đến

nay theo mức lãi suất 1,5%/ 1 tháng, thành tiền là 32.925.000đồng. Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vợ chồng ông H, bà H1 vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; anh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng ông H, bà H1 và anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông K khởi kiện yêu cầu bà V phải trả cho ông số tiền 160.000.000đồng mà ngày 05/4/2020 các bên đã thỏa thuận chuyển nghĩa vụ từ vợ chồng ông H, bà H1 sang bà V. Ngoài ra, ngày 07/9/2020 ông K cho bà V vay số tiền 150.000.000đồng lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 26/01/2021. Đến nay đã quá hạn trả nợ ông K đã đòi nhiều lần cả hai khoản trên nhưng bà V không trả nên ông K khởi kiện yêu cầu bà V phải trả cho ông số tiền gốc là 310.000.000đồng, đồng thời ông K yêu cầu bà V phải trả tiền lãi của khoản vay 150.000.000đồng từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất 1,66%/ 1 tháng. Còn bà V thừa nhận việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ đối với số tiền 160.000.000đồng và cũng thừa nhận có vay của ông K thêm 150.000.000đồng. Tuy nhiên, bà V chỉ đồng ý trả cho ông K số tiền gốc là 310.000.000đồng nhưng trả trong thời hạn từ 03 đến 05 năm, còn tiền lãi thì bà V không đồng ý trả nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: *“Tranh chấp dân sự về chuyển giao nghĩa vụ và tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 05/4/2021 giữa bà V, ông K và vợ chồng ông H, bà H1 có thỏa thuận bà V có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền 160.000.000đồng thay cho ông H, bà H1. Bà V thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy ngày 05/4/2020 là của bà và có thỏa thuận giữa ba bên như đã nêu ở trên. Như vậy, thỏa thuận trên là việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, bà V là người thế nghĩa vụ, từ ngày ký thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thì bà V trở thành người có nghĩa vụ nên bà

V phải trả số tiền 160.000.000đồng cho ông K và bà V không có nghĩa vụ phải trả số tiền trên cho ông H, bà H1 nữa. Trong giấy thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ ngày 5/4/2020 thì không thể hiện các đương sự có thỏa thuận thời gian trả nợ. Việc bà V trình bày tại thời điểm ký thỏa thuận các bên có thống nhất số tiền 160 triệu đồng thì trong thời hạn từ 03 đến 05 năm mỗi năm bà sẽ trả dần cho ông K một ít nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận việc thỏa thuận này, trong khi đó bà V không xuất trình được chứng cứ để chứng minh có việc thỏa thuận này. Đồng thời, cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định ông K đã đòi nhiều lần nhưng bà V không trả. Vì vậy, cần buộc bà V phải có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền 160.000.000đồng là phù hợp.

[4] Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng ngày 07/9/2020 ông K cho bà V vay số tiền 150.000.000đồng và xuất trình cho Tòa án bản chính giấy vay tiền, trong giấy này thể hiện rõ người cho vay, người vay, ngày vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả nợ. Đồng thời, bị đơn bà V thừa nhận có vay của ông K và đồng ý trả số tiền trên nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K cần buộc bà V phải trả cho ông K số tiền đã vay là 150.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, ngoài việc yêu cầu bà V phải trả số tiền gốc là 310.000.000đồng thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn còn yêu cầu bà V phải trả cho nguyên đơn tiền lãi của số tiền 150.000.000đồng theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án là 14 tháng 19 ngày, tính thành tiền là 32.925.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền giữa ông K với bà V có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/ tháng, tại phiên tòa bà V cũng thừa nhận hai bên có thỏa thuận mức lãi suất như trên. Vì vậy, cần xác định đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, buộc bà V phải trả cho ông K 32.925.000đồng tiền lãi.

[6] Từ những nhận định trên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 310.000.000đồng, tiền lãi là 32.925.000đồng, tổng cộng là 342.925.000đồng.

[7] Đối với bản chính giấy giao hẹn do nguyên đơn xuất trình có nội dung các bên thỏa thuận nếu bà V không trả tiền cho ông K thì bà V phải cắt 2000m<sup>2</sup> đất tại thôn M, xã H, huyện L cho ông K. Trong giấy này có chữ ký bà V và anh T là con của bà V. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự xác định do ông K thúc dục bà V trả nợ nhiều lần nhưng bà V không có tiền để trả nên viết như vậy để buộc bà V nhanh trả tiền cho ông K, nay ông K chỉ yêu cầu bà V trả tiền chứ không yêu cầu cắt đất theo thỏa thuận này. Bà V cũng xác định chỉ thỏa thuận như vậy chứ bà chưa giao đất cho ông K, cũng không giao giấy tờ gì liên quan đến diện tích đất này cho ông K. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Đồng thời, trong giấy giao hẹn có chữ ký chữ viết tên của

anh Hoàng Văn T là con trai bà V nhưng tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định số tiền 310.000.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả không liên quan gì đến anh T nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bà V trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc anh T phải cùng có nghĩa vụ trả tiền với bà V.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bà V có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức nên căn cứ khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần xem xét giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm cho bà V là phù hợp. Như vậy, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau:  $342.925.000\text{đồng} \times 2,5\% = 8.573.000\text{ đồng}$  (Đã làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 370, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phí Đình K về việc “*Tranh chấp dân sự về chuyển giao nghĩa vụ và tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Đỗ Thị V. Buộc bà Đỗ Thị V phải trả cho ông Phí Đình K số tiền gốc là 310.000.000đồng, tiền lãi là 32.925.000đồng, tổng cộng là 342.925.000đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### **2. Về án phí:**

Buộc bà Đỗ Thị V phải chịu 8.573.000 đồng (Tám triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phí Đình K số tiền 8.310.000đồng (Tám triệu ba trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0015275 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2021), riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**